TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /2022/QĐCNHGT-DS	*Quảng Xương, ngày 21 tháng 7 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của anh Lê Ngọc G (người được anh Lê Xuân M, chị Trần Thị H ủy quyền) và chị Lại Thị Y

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của anh anh Lê Xuân M, chị Trần Thị H.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Anh Lê Xuân M - sinh năm: 1976

Chị Trần Thị Hồng - sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: Thôn Sà, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc G - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/3/2022)

Người bị kiện: Chị Lại Thị Y - sinh năm: 1985

Địa chỉ:Thôn L, xã Q, huyện Q,Thanh Hóa.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 7 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa gải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 7 năm 2022, cụ thể như sau:

Tính đến ngày 01/07/2022 chị Lại Thị Y còn nợ của vợ chồng anh Lê Xuân M và chị Trần Thị H số tiền gốc là: 950.000.000đ (chín trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 0.5%/tháng. Hai bên thống nhất phương thức trả nợ như sau:

Lần 1:Từ 01/07/2022 đến ngày 30/06/2023 chị Y trả cho anh M, chị H 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất 0,5%/tháng. Cụ thể: Vào ngày 15 hàng tháng chị Y có trách nhiệm trả cho anh M, chị H số tiền gốc: 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) và hàng tháng vẫn tiếp tục trả lãi suất là 0,5%/tháng tương ứng với số tiền chưa trả đến khi trả hết số nợ gốc.

Lần 2: Từ 01/07/2023 đến ngày 30/06/2024 chị Y trả cho anh M chị H 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, lãi suất 0.5%/tháng. Cụ thể: Vào ngày 15 hàng tháng chị Y có trách nhiệm trả cho anh M chị H số tiền gốc: 8.300.000đ (tám triệu ba trăm nghìn đồng) và hàng tháng vẫn tiếp tục trả lãi suất là 0,5%/tháng tương ứng với số tiền chưa trả đến khi trả hết số nợ gốc.

Lần 3:Từ 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025 chị Y trả cho anh M, chị 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và lãi xuất 0,5%/tháng.Cụ thể: Vào ngày 15 hàng tháng chị Yến có trách nhiệm trả cho anh Minh, chị Hồng số tiền gốc: 16.700.000đ (mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) và hàng tháng vẫn tiếp tục trả lãi suất là 0,5%/tháng tương ứng với số tiền chưa trả đến khi trả hết số nợ gốc.

Lần 4; Từ 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026 chị Y trả cho anh M, chị H 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và lãi xuất 0,5%/tháng. Cụ thể:Vào ngày 15 hàng tháng chị Y có trách nhiệm trả cho anh M, chị H số tiền gốc: 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và hàng tháng vẫn tiếp tục trả lãi suất là 0,5%/tháng tương ứng với số tiền chưa trả đến khi trả hết số nợ gốc

Lần 5: Từ 01/07/2026 đến ngày 30/06/2027 chị Y trả cho anh M, chị H 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và lãi xuất 0,5%/tháng.Cụ thể: Vào ngày 15 hàng tháng chị Y có trách nhiệm trả cho anh M chị H số tiền gốc: 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và hàng tháng vẫn tiếp tục trả lãi suất là 0,5%/tháng tương ứng với số tiền chưa trả đến khi trả hết số nợ gốc.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Y không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ và vi phạm thời hạn trả nợ, chị H, anh M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Y không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Q
- Chị cục THADS huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Bùi Thị Huyền